

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 2019
Lớp CĐT 4 K10 Mã lớp học 26,941 Lý thuyết

Môn học: CMH19 Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt

Giáo viên: Bu Long Vinh

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi 21/12/2019

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182353	Nguyễn Thị Vân Anh	19/01/2000	8,0		Anh	
2	CD182011	Nguyễn Xuân Ba	05/10/2000	5,5		Ba	
3	CD182087	Lê Vũ Nguyên Công	20/01/2000	Không được thi do không hoàn thành học phần			Thi lại
4	CD182572	Nguyễn Hải Đăng	01/02/2000	9,0		Đăng	
5	CD180397	Nguyễn Tiến Đạt	26/12/2000	7,0		Đạt	
6	CD182270	Đôn Đức Định	18/12/2000	8,0		Định	
7	CD182106	Trần Văn Đoàn	28/03/2000	6,5		Đoàn	
8	CD182387	Nguyễn Công Đức	04/02/2000	6,5		Đức	
9	CD182437	Nguyễn Văn Dũng	21/07/2000	6,5		Dũng	
10	CD182050	Tô Anh Dũng	08/09/2000	6,0		Dũng	
11	CD182133	Trần Đình Dương	11/09/2000	6,5		Dương	
12	CD182045	Phạm Hữu Hiệp	18/01/2000	Không được thi do không hoàn thành học phần			Thi lại
13	CD181746	Lê Trung Hiếu	15/12/2000	6,0		Hiếu	
14	CD181945	Nguyễn Minh Hiếu	29/04/2000	Thi lại			
15	CD182596	Nguyễn Ngọc Hiếu	02/05/2000	7,0		Hiếu	
16	CD181805	Đinh Xuân Ánh Hồng	27/05/2000	5,0		Hồng	
17	CD182527	Trần Nguyên Hùng	06/06/1999	7,5		Hùng	
18	CD181758	Trần Văn Hùng	11/01/2000	5,5		Hùng	
19	CD182402	Trần Quang Huy	28/08/2000	6,5		Huy	
20	CD182240	Trần Quang Khải	18/05/1999	4,0		Khải	
21	CD182316	Nguyễn Văn Khang	24/11/2000	6,5		Khang	
22	CD182229	Hồ Văn Khoa	06/02/2000	8,0		Khoa	
23	CD182149	Đặng Ngọc Khởi	02/11/2000	5,5		Khởi	
24	CD182157	Phạm Văn Kiên	07/08/2000	7,5		Kiên	
25	CD181844	Hoàng Duy Kiều	10/01/2000	6,5		Kiều	
26	CD181735	Hoàng Hải Linh	26/07/2000	7,0		Linh	
27	CD182002	Vũ Duy Linh	17/09/2000	Thi lại			
28	CD182146	Đào Thăng Long	04/10/2000	5,5		Long	
29	CD182298	Nguyễn Duy Long	16/11/2000	6,5		Long	
30	CD181857	Trần Đức Lương	11/01/2000	3,0		Lương	
31	CD170866	Mai Duy Minh	02/11/1999	Thi lại			
32	CD181754	Nguyễn Quang Minh	10/05/2000	5,0		Minh	
33	CD181877	Nguyễn Văn Nam	13/08/2000	4,0		Nam	
34	CD182608	Nguyễn Anh Quân	01/11/2000	7,5		Quân	
35	CD181858	Trần Văn Quang	18/07/2000	5,0		Quang	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD182525	Phạm Đình Quyết	18/07/2000	5,0			
37	CD182301	Bùi Việt Sang	28/05/2000	5,0			
38	CD181869	Đỗ Ngọc Sơn	12/08/2000	6,0			
39	CD181911	Nguyễn Tuấn Sơn	31/01/2000	6,5			
40	CD182136	Nguyễn Văn Sỹ	20/09/2000	7,0			
41	CD182431	Nguyễn Minh Tâm	10/10/2000	5,5			
42	CD182612	Nguyễn Văn Thắng	16/08/2000	6,0			
43	CD182282	Phạm Hồng Thiên	12/12/2000	6,5			
44	CD181887	Trịnh Văn Thiên	07/07/2000	7,5			
45	CD182516	Phan Ngọc Thiện	09/01/2000	6,0			
46	CD182613	Nguyễn Văn Thịnh	17/06/2000	5,5			
47	CD182377	Phạm Văn Toàn	25/03/2000	4,0			
48	CD181953	Nguyễn Thành Trung	25/07/2000	5,0			
49	CD182143	Phạm Minh Trường	11/02/2000	5,5			
50	CD181527	Ngô Văn Tú	28/03/2000	6,0			
51	CD181831	Trần Trọng Vũ	20/11/2000	5,5			

Tổng số sinh viên dự thi: 46

Số sinh viên đạt: 42

Tổng số tờ giấy thi:

Ngày giáo viên nộp điểm: 31/1/2020

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. Tăng Huy

CÁN BỘ COI THI 2

Đỗ Thị Kim Hoa

Nguyễn Thanh Nga